

Bản án số: **278/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 12-9-2017

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Kim Đó**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Huỳnh Thị Châu**

2. Ông **Nguyễn Đức Bằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** - Thư ký Tòa án huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017, về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Thu H** - sinh năm: 1993

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tiến V** - sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: số 371, chợ TL, ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh V có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến V tìm hiểu và yêu nhau được khoảng bốn năm thì đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 20/4/2011 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2011. Đây là hôn nhân lần đầu của chị.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, khi vợ chồng cãi vã, anh V thường dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị. Nhiều lúc nóng giận, anh V còn đánh chị nhưng không để lại thương tích gì. Ngoài ra, anh V còn ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Mặc dù sống cùng nhà nhưng giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu

thương nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung là: Nguyễn Hoàng Khánh B – sinh ngày: 04/01/2012.

Khi ly hôn, Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tiến V trình bày:

Anh V thống nhất với lời khai của chị Hồng về thời gian và hoàn cảnh kết hôn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H khai là không đúng, khi vợ chồng cãi vã anh không đánh đập chị, có lần anh đọc được tin nhắn tình cảm của một người đàn ông gửi cho chị H. Tuy anh và chị H vẫn còn sống chung một nhà, nhưng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng anh nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị H không thể hàn gắn được. Do anh là người có đạo công giáo không được phép ly hôn. Việc chị H xin ly hôn anh V đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Anh V đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khánh B. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung không điều chỉnh. Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Thu H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Tiến V có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Hôn nhân của chị H và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị H được quyền xin ly hôn với anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết xin ly hôn với anh V. Xét lời khai của chị H: Từ năm 2016, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, dẫn đến vợ chồng cãi vã, anh V đánh chị.

Bị đơn anh V khai: Vợ chồng không có mâu thuẫn, có lần anh đọc được tin nhắn tình cảm trong điện thoại của chị H do một người đàn ông gửi cho chị, anh có hỏi nhưng chị không trả lời dẫn đến cãi vã anh có tát chị 01 bạt tay. Mặt khác, chị H sống không biết quan tâm đến gia đình, anh, chị có đoàn tụ thì đời sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, do anh theo đạo công giáo không được phép ly hôn.

Tại phiên tòa lời khai của anh V về tin nhắn tình cảm được chị H thừa nhận nhưng chị cho rằng đó là lời chọc gheo của người bạn, chị không có quan hệ tình cảm với người đàn ông gửi tin nhắn.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Chị H và anh V chung sống với nhau không có sự tôn trọng và tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã, đánh nhau, đời sống chung không hạnh phúc, hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh V có một con chung là: Nguyễn Hoàng Khánh B – sinh ngày: 04/01/2012. Tại phiên tòa, chị H và anh V thỏa thuận, anh V đồng ý giao cháu B cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, thỏa thuận trên phù hợp quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu B cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, vì chị H làm nghề buôn bán ở chợ TL thu nhập ổn định mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đủ điều kiện nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, chị H và anh V được quyền xin thay đổi

người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về đường lối giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến V.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khánh B – sinh ngày: 04/01/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 002231 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Phan Thị Thu H và anh Nguyễn Tiến V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó